

Số: **2261** /TB-HV

Hà Nội, ngày *lưu* tháng 7 năm 2017

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh sau đại học Đợt 2 năm 2017

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014; Quyết định chuyển đổi chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ kèm theo Quyết định số 4435/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện Kỹ thuật Quân sự thông báo tuyển sinh đào tạo cao học Đợt 2 (tháng 11/2017).

Các thông tin chi tiết về tuyển sinh như sau:

I. CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Năm 2017 tuyển sinh: 621 cao học (CH) và 68 nghiên cứu sinh (NCS);
- Dự kiến tuyển sinh Đợt 2: 225 CH.

2. Các ngành, chuyên ngành đào tạo Đợt 2:

- Hệ thống thông tin;
- Khoa học máy tính;
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá;
- Kỹ thuật điện tử;
- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;
- Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt;
- Quản lý khoa học và công nghệ.

II. TUYỂN SINH CAO HỌC

1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

2. Điều kiện về văn bằng dự thi:

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ. Những trường hợp này không phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi (ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi căn cứ theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, chi tiết ở Phụ lục I);

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ (ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ căn cứ theo Khoản 2, Khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ). Những trường hợp này phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi;

- Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cho đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi nhưng đã tốt nghiệp đại học nhiều năm trước khi đăng ký dự thi và ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi xem chi tiết ở Phụ lục I.

- Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo: Phụ lục I

3. Điều kiện về thâm niên công tác:

a) Đối với các ngành kỹ thuật: Người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

b) Đối với ngành Quản lý khoa học và công nghệ: Người dự thi là lãnh đạo hoặc chuyên viên các đơn vị Quản lý khoa học công nghệ của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, quản lý sản xuất kinh doanh và phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành Quản lý khoa học và công nghệ (kể cả những người tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên). Trong hồ sơ cần có giấy xác nhận của cơ quan hoặc quyết định phân công công tác (có công chứng).

4. Thời gian đào tạo: 02 năm.

5. Các môn thi tuyển gồm:

c) Môn ngoại ngữ (Tiếng Anh): theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (Tiếng Anh, tiếng Nga) được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam (Tiếng Anh, tiếng Nga);

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Nga);

+ Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh, tiếng Nga) được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 căn cứ theo Thông tư số 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc tương đương (căn cứ theo bảng Tham chiếu quy đổi, chi tiết ở Phụ lục I) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận;

- Danh mục các môn thi tuyển cho từng ngành (xem ở Phụ lục II).

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

a) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

b) Chính sách ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang

điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi (môn cơ bản, môn cơ sở ngành)

7. Hồ sơ dự thi gồm:

- a) Đơn xin dự thi (theo mẫu);
- b) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm (có công chứng);
- c) Các chứng chỉ bổ túc kiến thức;
- d) Lý lịch khoa học (theo mẫu);
- e) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện đa khoa (có thời hạn trước 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi);
- f) Bản sao giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- g) Bản sao giấy tờ hợp pháp về đối tượng miễn ngoại ngữ (nếu có);
- h) 03 ảnh 3 x 4, hai phong bì có dán tem và ghi đầy đủ địa chỉ người nhận trên phong bì.

III. THI TUYỂN, ĐỊA ĐIỂM DỰ THI

1. Thi tuyển:

- Kỳ thi tuyển sinh sau đại học Đợt 2 năm 2017 của Học viện KTQS được tổ chức vào ngày **25, 26/11/2017**;

- Giấy báo dự thi sẽ được gửi cho thí sinh thông qua địa chỉ trên phong bì thư nộp kèm hồ sơ. Thời gian gửi giấy báo dự thi trước ngày 06/11/2017

2. Địa điểm dự thi: Tổ chức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian phát hành hồ sơ: Bắt đầu từ ngày 07/8/2017 đến 27/10/2017.

2. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

- Tại Hà Nội: Phòng Sau đại học - Học viện Kỹ thuật Quân sự;

- Tại TP Hồ Chí Minh: Đại diện phía Nam - Học viện Kỹ thuật Quân sự.

3. Thời hạn nộp hồ sơ dự thi cao học:

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi (***các đối tượng phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển***):

+ Tại Hà Nội: từ ngày 10/8/2017 đến 04/9/2017;

+ Tại TP Hồ Chí Minh: từ ngày 21/8/2017 đến 11/9/2017.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi từ ngày 11/9/2017 đến 30/10/2017.

(Lưu ý: Hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại).

V. ÔN TẬP VÀ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Lịch học cụ thể được thông báo tại các bảng tin của Phòng Sau đại học và trên website của Học viện KTQS: <http://mta.edu.vn>. Dự kiến các mốc thời gian như sau:

1. Tại Hà Nội:

- Tổ chức học bổ sung kiến thức từ ngày 11/9/2017 đến 09/10/2017. Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức từ ngày 14/8/2017 đến 04/9/2017.

- Tổ chức các lớp ôn thi tuyển sinh từ ngày 10/10/2017 đến 21/11/2017. Thời gian đăng ký ôn tập: từ ngày 11/9/2017.

2. Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tổ chức học bổ sung kiến thức từ ngày 18/9/2017 đến 11/10/2017. Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức từ ngày 21/8/2017 đến 12/9/2017.

- Tổ chức các lớp ôn thi tuyển sinh từ ngày 11/10/2017 đến 19/11/2017. Thời gian đăng ký ôn tập: từ ngày 12/9/2017 đến 07/10/2017.

VI. DỰ KIẾN THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ TUYỂN SINH, KHAI GIẢNG KHÓA HỌC:

1. Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh: từ 15/12/2017 đến 25/12/2017.

2. Khai giảng khóa học: từ 10/01/2018 đến 17/01/2018.

VII. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

1. Tại Hà Nội: Phòng Sau đại học - Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Địa chỉ: Tầng 8 - nhà S4 - khu A/Học viện KTQS (số 236 đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội). Điện thoại: 043.7558307; 043.8361789.

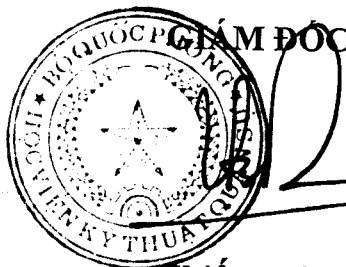
2. Tại TP Hồ Chí Minh: Đại diện phía Nam - Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Địa chỉ: Số 71 đường Cộng Hoà, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0838.113.660; 0982.316.226; 0982.100.111.

Thông tin chi tiết xem tại Website <http://mta.edu.vn/>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- P7(03), P10, TTCNTT;
- K12, K21, K31, K32, V2;
- Lưu: BM, P7; T13.



Thiếu tướng
GS, TSKH Nguyễn Công Định



DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh SDH số: **2261** /TB-HV ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Học viện)

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hoặc cử nhân (ĐH chính quy): Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; các văn bằng tốt nghiệp khác có khối lượng kiến thức ngành khác nhau không quá 10%.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hoặc cử nhân (ĐH tại chức): Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông. Kỹ sư hoặc cử nhân: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật y sinh; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật cơ điện tử; Vật lý kỹ thuật; Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (**10 năm trở lên**), các văn bằng tốt nghiệp khác có khối lượng kiến thức ngành khác nhau từ 10% đến 40%.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 06 tín chỉ: Kỹ sư hoặc cử nhân (ĐH tại chức): Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông. Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (**10 năm trở lên**).

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 12 tín chỉ: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật y sinh; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật cơ điện tử; Vật lý kỹ thuật; các văn bằng tốt nghiệp khác có khối lượng kiến thức ngành khác nhau từ 10% đến 40%.

- Trên cơ sở xem xét đối chiếu với bằng tốt nghiệp và bảng điểm của thí sinh, Khoa sẽ quyết định số lượng các học phần đối tượng cần học bổ sung trong danh mục các học phần sau.

TT	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ	Khoa phụ trách
1	Thông tin số	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
2	Kỹ thuật truyền số liệu	03	Khoa Vô tuyến Điện tử

Handwritten mark

3	Mạng viễn thông	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
4	Kỹ thuật thu phát vô tuyến điện	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
5	Trường điện từ và kỹ thuật siêu cao tần	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
6	Kỹ thuật ăng-ten và truyền sóng	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
7	Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến	03	Khoa Vô tuyến Điện tử
8	Nguyên lý truyền tin	03	Khoa Vô tuyến Điện tử

NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH, HỆ THỐNG THÔNG TIN

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hoặc cử nhân Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hoặc cử nhân Hệ thống thông tin quản lý; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán Tin học; Tin học quản lý; Sư phạm Tin học; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Toán ứng dụng, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử. Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (10 năm trở lên)

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 06 tín chỉ: Hệ thống thông tin quản lý; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán Tin học; Tin học quản lý; Sư phạm Tin học; Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (10 năm trở lên).

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 12 tín chỉ: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Toán ứng dụng, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.

- Trên cơ sở xem xét đối chiếu với bằng tốt nghiệp và bảng điểm của thí sinh, Khoa sẽ quyết định số lượng các học phần đối tượng cần học bổ sung trong danh mục các học phần sau.

TT	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ	Khoa phụ trách
1	Kỹ thuật lập trình	03	Khoa Công nghệ thông tin

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông..

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật Xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật Xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình biển; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng; Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Quản lý xây dựng. Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (**05 năm trở lên**).

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 06 tín chỉ: Kỹ xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật Xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật Xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông. Những thí sinh có bằng như mục 01 nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm (**05 năm trở lên**).

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 12 tín chỉ: Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình biển; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng; Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Quản lý xây dựng.

- Trên cơ sở xem xét đối chiếu với bằng tốt nghiệp và bằng điểm của thí sinh, Viện sẽ quyết định số lượng các học phần đối tượng cần học bổ sung trong danh mục các học phần sau.

TT	Môn học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ	Viện phụ trách
1	Thiết kế đường ô tô	03	Viện KT Công trình ĐB
2	Xây dựng đường ô tô	03	Viện KT Công trình ĐB
3	Khai thác và bảo dưỡng đường ô tô	03	Viện KT Công trình ĐB
4	Thiết kế đường và giao thông đô thị	03	Viện KT Công trình ĐB

NGÀNH: QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần học bổ sung kiến thức:

ĐH chính quy ngành Quản lý Khoa học và công nghệ.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

ĐH tại chức ngành Quản lý Khoa học và công nghệ. Tất cả các văn bằng tốt nghiệp đại học khác mà chưa được học các môn học liên quan với thời lượng tương ứng.

3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức:

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 04 tín chỉ: ĐH tại chức ngành Quản lý Khoa học và công nghệ; Kỹ sư, cử nhân kinh tế, quản lý và kỹ thuật hệ thống công nghiệp.

- Đối tượng phải học bổ sung kiến thức 10 tín chỉ: Tất cả các văn bằng tốt nghiệp đại học khác mà chưa được học các môn học liên quan với thời lượng tương ứng.

- Trên cơ sở xem xét đối chiếu với bằng tốt nghiệp và bảng điểm của thí sinh, Khoa sẽ quyết định số lượng các học phần đối tượng cần học bổ sung trong danh mục các học phần sau.

TT	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ	Khoa phụ trách
1	Kinh tế học	03	Khoa Cơ khí + Khoa CHTMKT
2	Quản trị học	03	Khoa Cơ khí
3	Khoa học luận	02	Khoa Cơ khí
4	Tâm lý học	02	Khoa CTĐ- CTCT

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
 (Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

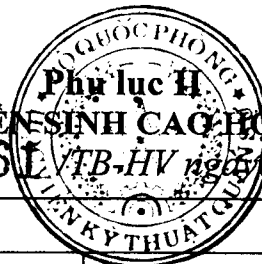
Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4



Phụ lục II
CÁC MÔN THI TUYỂN SINH CÁC HỌC ĐỢT 2 NĂM 2017
(Kèm theo Thông báo tuyển sinh SDH số 226/LTĐB-HV ngày 01 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Học viện)

STT	Chuyên ngành	Mã số	Môn Cơ bản	Môn cơ sở	Ngoại Ngữ
1.	Hệ thống thông tin	60480104	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	Tiếng Anh
2.	Khoa học máy tính	60480101	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật	Tiếng Anh
3.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (<i>Tự động hoá</i>)	60520216	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh
4.	Kỹ thuật điện tử	60520203	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh
5.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt (<i>Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i>)	60580206	Toán cao cấp	Cơ học kết cấu	Tiếng Anh
6.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>Xây dựng đường ô tô</i>)	60580205	Toán cao cấp	Cơ học kết cấu	Tiếng Anh
7.	Quản lý Khoa học và Công nghệ	60340412	Toán B	Quản trị học	Tiếng Anh